

Số: 1383 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án phát triển công nghiệp  
ché biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và Quyết định số 68/2015/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025*

*Căn cứ Nghị quyết số 115/NĐ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hành động thực hiện Nghị định số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Chương trình phát triển hỗ trợ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2025;*

*Căn cứ Chương trình số 212/CTr-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 282/TTr-SCT ngày 10/3/2021 về phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 và văn bản số 913/SCT-CNNT ngày 15/4/2021 kèm theo Báo cáo thẩm định số 2006/SKHĐT-CNDV ngày 02/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 (Có Đề cương chi tiết kèm theo).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương căn cứ Đề cương chi tiết được phê duyệt, triển khai xây dựng Đề án đảm bảo chất lượng, thời gian báo cáo UBND tỉnh theo quy định; đồng thời, căn cứ các quy định hiện hành, lập dự toán chi tiết kinh phí xây dựng Đề án gửi Sở Tài chính để thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ các quy định hiện hành thẩm định dự toán chi tiết kinh phí xây dựng Đề án do Sở Công Thương lập, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các ngành, đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm giải quyết các công việc có liên quan đến ngành mình, đơn vị mình phụ trách, tạo điều kiện cho Sở Công Thương triển khai xây dựng Đề án đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, CN (T385).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**ĐỀ CƯƠNG**

**Chi tiết Đề án phát triển công nghiệp chế biến,  
chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**Phần I**

**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu tổng quát: *“Thanh Hóa là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng và chế biến, chế tạo; nông nghiệp giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu và văn hóa, thể thao; một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; nơi người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước, các giá trị di sản văn hóa và lịch sử được bảo tồn, phát huy; quốc phòng, an ninh được đảm bảo vững chắc; các tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”*.

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu trên, việc xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 nhằm đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển ngành chế biến, chế tạo, xây dựng mục tiêu, định hướng hoạt động và kiến nghị giải pháp thực hiện, thúc đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp tỉnh Thanh Hóa là cần thiết.

**II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Các văn bản của Trung ương**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và Quyết định số 68/2015/QĐ-TTg ngày 10/02/2017 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025;

- Nghị định số 115/NĐ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

## 2. Các văn bản của tỉnh

- Kế hoạch số 106-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hành động thực hiện Nghị định số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 11/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Chương trình phát triển hỗ trợ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2025;

- Chương trình số 212/CTr-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Thanh Hóa.

## III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN

- Phạm vi về không gian.
- Phạm vi về thời gian trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030.
- Đối tượng: Các dự án về lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

## Phần II

### ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2016-2020

#### I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CÓ LIÊN QUAN CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH

1. Tình hình triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương.

2. Tình hình triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2016-2020**

1. Về cơ chế, chính sách

2. Cơ sở hạ tầng

2.1. Hệ thống giao thông.

2.2. Hạ tầng điện.

2.3. Cấp nước.

2.4. Hệ thống thông tin liên lạc.

2.5. Hạ tầng KCN.

2.6. Hạ tầng cụm công nghiệp.

2.7. Nhân lực lao động trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo và thực trạng đầu tư, huy động nguồn lực phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo.

3. Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo.

3.1. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống.

3.2. Nhóm ngành dệt may, da giày

3.3. Nhóm ngành chế lâm sản.

3.4. Nhóm ngành hóa chất, cao su, nhựa.

3.5. Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD).

3.6. Nhóm ngành cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại.

3.7. Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo khác.

4. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

5. Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp Chế biến, chế tạo.

6. Công tác bảo vệ môi trường.

## **III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

1. Kinh tế tăng trưởng.

2. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phát triển và đạt kết quả cao.

## **IV. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN**

1. Hạn chế, yếu kém

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

1. Đánh giá chung
2. Bài học kinh nghiệm.

### **Phần III**

## **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH**

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực
2. Bối cảnh trong nước và trong tỉnh

### **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
  - 2.1. Mục tiêu tổng quát
  - 2.2. Mục tiêu cụ thể

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo.
  - 1.1. Nhóm ngành thực phẩm và đồ uống.
  - 1.2. Nhóm ngành dệt may, da giày
  - 1.3. Nhóm ngành chế lâm sản.
  - 1.4. Nhóm ngành hóa chất, cao su, nhựa.
  - 1.5. Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD).
  - 1.6. Nhóm ngành cơ khí, điện tử và SX kim loại.
  - 1.7. Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo khác.
2. Giải pháp về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch.
3. Giải pháp về cơ chế chính sách.
4. Giải pháp về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.
5. Giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư;
6. Giải pháp về huy động nguồn lực.
7. Giải pháp về nguồn nhân lực.
8. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

9. Giải pháp về môi trường.

10. Giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

**Phần IV**  
**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**I. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHUNG.**

**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỤ THỂ.**

**Phần V**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.**

**II. UBND các huyện, thị xã, thành phố.**

**III. Các doanh nghiệp./.**